

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC VÀ TRÊN THẾ GIỚI

• **GS.TSKH. VŨ NGỌC HẢI**

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Ngày nay giáo dục được xem là một hoạt động xã hội rộng lớn, là nền tảng cơ bản và là động lực để cho xã hội phát triển. Giáo dục có liên quan trực tiếp đến lợi ích, nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người, mọi tổ chức kinh tế-xã hội, đồng thời có tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của từng quốc gia. Do vậy có thể nói hiện nay tất cả các nước, dù giàu hay nghèo, dù lớn hay nhỏ, dù phát triển, đang phát triển hay chậm phát triển, bao giờ cũng phải quan tâm đến giáo dục. Dưới đây sẽ trình bày một số vấn đề về phát triển giáo dục ở các nước trong khu vực và trên thế giới.

Xu thế bùng nổ giáo dục

Sau chiến tranh thế giới thứ hai khoa học kỹ thuật quân sự có bước nhảy vọt được áp dụng vào sản xuất dân dụng, bản thân khoa học kỹ thuật phát triển nhanh thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng mạnh, mở nhiều thị trường mới. Các nước công nghiệp phục hồi nhanh. Nhiều nước mới giành được độc lập đã đưa được nền kinh tế cất cánh nhờ vào phát triển giáo dục.

Cải cách giáo dục lần hai diễn ra khoảng từ 1950 đến 1970. Cải cách quan niệm và kỹ thuật xây dựng chương trình, thiết kế lại môn học, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm... là những vấn đề trọng tâm của cải cách giáo dục. Năm 1950 dân số thế giới khoảng 2,5 tỉ người; số người đi học chiếm 12% khoảng 300 triệu. Năm 1998, dân số 6 tỉ người, số người đi học là 1 tỉ chiếm 17%, trong đó 3/4 thuộc các nước đang phát triển.

Các xu thế phát triển chính của giáo dục thế giới

- Giáo dục thường xuyên, giáo dục từ xa, học tập suốt đời phải là điểm chủ đạo của mọi chính sách phát triển giáo dục nhằm xây dựng xã hội học tập suốt đời. Mỗi người đều là người học, đồng thời là người dạy và người kiến tạo nên sự tiến bộ về học vấn và nghề nghiệp của chính mình.

- Phải xoá bỏ sự phân biệt cứng nhắc giữa các ngành giáo dục phổ thông, khoa học kỹ thuật và công nghiệp. Ngay từ tiểu học giáo dục đã

phải mang đặc tính kết hợp lí thuyết, công nghệ, thực hành và thủ công.

- Giáo viên phải là những nhà giáo dục hơn là những chuyên gia truyền đạt kiến thức. Việc giảng dạy phải thích nghi với người học, chứ không phải bắt buộc người học tuân theo các quy định có sẵn từ trước theo thông lệ cũ.

Các nguyên tắc cơ bản của giáo dục thế kỉ XXI

- Giáo dục ở thế kỉ XXI được coi là quyền cơ bản của con người và cũng là giá trị chung nhất của nhân loại.

- Giáo dục cả chính quy và không chính quy, đều phải phục vụ xã hội: giáo dục là công cụ để sáng tạo, tăng tiến và phổ biến tri thức và khoa học, đưa tri thức và khoa học đến với mọi người.

- Các chính sách giáo dục phải phối hợp hài hoà cả ba mục đích: công bằng, thích hợp và chất lượng.

- Muốn tiến hành cải cách giáo dục phải xem xét kĩ lưỡng và hiểu biết sâu sắc về thực tiễn, chính sách và các điều kiện cũng như những yêu cầu của từng vùng.

- Tiếp cận phát triển giáo dục phải thích hợp với từng vùng, nhưng phải chú ý tới giá trị chung, các mối quan tâm của cộng đồng quốc tế: quyền con người, khoan dung và hiểu biết, dân chủ, trách nhiệm, bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ hoà bình, môi trường, chia sẻ tri thức, giảm đói nghèo, dân số, sức khoẻ.

- Giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội, của tất cả mọi người.

Các chức năng giáo dục

- Tạo điều kiện để từng cá nhân phát triển hết tiềm năng của mình trong xã hội.

- Giáo dục sự hợp tác, đối thoại thực hiện những trách nhiệm công dân.

- Giáo dục kĩ năng sống, chuẩn bị cho từng cá nhân và nhóm tham gia vào lao động xã hội.

- Giáo dục mọi người có ý thức chủ động phục vụ xã hội.

- Quan hệ giữa giáo dục, lao động và việc làm thích nghi với sự biến đổi của thị trường lao

động. Giáo dục và phát triển, tạo năng lực sáng tạo, khuyến khích nhân tài.

- Giáo dục, nghiên cứu khoa học tạo ra các tri thức mới, tăng cường năng lực cho từng người và cả dân tộc có đủ sức sống trong xã hội quốc tế ngày càng tăng tính chất toàn cầu.

Những vấn đề giáo dục phải giải quyết

- Quan hệ giữa toàn cầu và địa phương.
- Quan hệ giữa toàn cầu và cá thể.
- Quan hệ giữa truyền thống và hiện đại.
- Quan hệ giữa lâu dài và trước mắt (Quan

hệ giữa cạnh tranh và bình đẳng cơ hội, cạnh tranh tạo động lực, hợp tác tạo sức lực, liên kết tạo hợp lực).

- Quan hệ giữa khối lượng tri thức ngày càng tăng quá nhanh với khả năng tiếp thu của con người.

- Quan hệ giữa tinh thần và vật chất.

Bốn cột trụ của giáo dục thế kỉ XXI.

Thế kỉ XXI là thế kỉ của một nền văn minh dựa vào quyền lực tri thức. Giáo dục vừa phải cung cấp tri thức vừa phải dạy công nghệ, làm sao trong dòng thông tin đầy ắp của mỗi con người, của từng cộng đồng ngày một phát triển, để mỗi xã hội đều trở thành một xã hội học tập. Giáo dục giúp mỗi người phát hiện ra và làm giàu tiềm năng sáng tạo của bản thân-năng lực nội sinh của mỗi con người. Đó là vốn liếng làm cho mỗi con người trở nên giàu có.

- Học để biết: Biết thu nhận thông tin, biết tiếp thu tri thức, biết tạo lập và sử dụng thành thạo tri thức. Học tập vừa là phương tiện vừa là mục đích.

- Học để làm: Gắn lí thuyết với thực hành, gắn học với hành. Chuyển từ đào tạo kĩ năng sang trình độ chuyên môn. Bớt công việc chân tay và tăng cường ngành dịch vụ. Lao động trong nền kinh tế không chính quy. Việc học tập không giới hạn để kiếm việc làm.

- Học cùng chung sống, học cách sống với người khác: Học biết phát hiện ra người khác. Cùng làm việc vì các mục đích chung.

- Học để tự khẳng định mình: Giáo dục phát triển toàn diện từng cá thể: tâm lí và thể xác, trí tuệ và tình cảm, thái độ đạo đức, tinh thần trách nhiệm cá nhân và các giá trị tinh thần khác. Chống lại sự tha hoá con người.

Đặc điểm chung của cải cách giáo dục chuyên nghiệp ở các nước

Cải cách giáo dục chuyên nghiệp là một công việc cực kì khó khăn và tốn kém, thậm chí

có thể làm thay đổi hoàn toàn hệ thống cũ nhằm tạo ra được sự đổi mới về chất trong sản phẩm của hệ thống mới. Cải cách giáo dục chuyên nghiệp nhằm:

- Giáo dục đại chúng thay thế cho giáo dục tinh hoa.

- Quan tâm hình thành các phẩm chất và năng lực.

- Nâng cao năng lực sáng tạo, thích ứng với những biến đổi khó lường trong một xã hội phát triển nhanh chóng.

- Ý thức trách nhiệm, tính tích cực, chủ động đối với những vấn đề chung của cộng đồng, của quốc gia và của toàn cầu.

- Năng lực hợp tác, có khả năng phối hợp hành động trong học tập và đời sống.

- Năng lực tự khẳng định mình, tự lập trong học tập và cuộc sống.

- Năng lực hành động có hiệu quả trên cơ sở những kiến thức, kĩ năng và phẩm chất đã được hình thành trong quá trình học tập, rèn luyện và giao tiếp.

- Phát triển cá tính, bản sắc của người học.

- Chủ trương thực hiện chương trình cốt lõi thống nhất trên toàn quốc gia khoảng 60%, trao quyền tự chủ cho cơ sở 40%.

- Chi ngân sách quốc gia lớn nhất là chi cho giáo dục.

Đa dạng hoá các loại hình đào tạo

Xu hướng đa dạng hoá các loại hình đào tạo được thể hiện qua các hình thức:

- Trường thành lập được nhà nước bảo trợ.

- Trường tư thục do một hay một nhóm công dân đứng ra tổ chức.

- Trường thành lập do những cá nhân hay tổ chức phối hợp với các cơ quan, hoặc xí nghiệp cùng đầu tư tài chính.

- Trường do các cổ đông góp vốn thành lập.

- Trường thành lập do giữa nước chủ nhà và các tổ chức hay cá nhân nước ngoài.

- Trường do tổ chức nước ngoài mở và đầu tư 100% vốn.

- Hình thành một loại trường mà cơ chế hoạt động của nó huy động được cộng đồng tham gia vào xây dựng giáo dục.

- Quy định thuế phụ thu dành riêng cho giáo dục. (Trung Quốc đạt 28% ngân sách giáo dục).

- Lập các hội bảo trợ phi chính phủ đóng góp cho giáo dục (Ấn Độ đạt 8% ngân sách giáo dục).

- Cho phép học sinh đi du học nước ngoài.

(Tại Trung Quốc: đi học nước ngoài mà về nước là yêu nước; ở lại nước sở tại, không về nước là giúp nước; đi về tự do).

Một số đặc điểm giáo dục chuyên nghiệp

- Các công ty tham gia tích cực vào đào tạo nghề.

- Các trường nghề phải tự đổi mới và nâng cao chất lượng chương trình giảng dạy: giảng dạy phải thúc đẩy suy nghĩ của người học. Mỹ, Nhật, Đức hiện rất thành công trong việc kết hợp giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp.

- Học nghề đối với học sinh phổ thông là dựa trên công việc (Anh, Pháp, Hàn Quốc, Australia..).

- Đặt các doanh nghiệp trong các trường học (Mỹ có 19% doanh nghiệp trong các trường chuyên nghiệp).

- Công ty là nhà trường (Đức, Nhật, Thụy Điển).

- Phân bố và điều chỉnh giáo dục nghề nghiệp:

- Cơ sở đào tạo kĩ thuật, công nghệ phải đặt gần nhà máy, khu công nghiệp có nhu cầu trực tiếp đòi hỏi nguồn nhân lực.

- Cơ sở huấn luyện nghề nghiệp của ngành dịch vụ cần được phân bố về địa lí theo mật độ dân số hiện tại và dự báo về việc tăng dân số.

- Sự phân bố của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp đều phải đóng vai trò tích cực đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Tại khu vực nông thôn cần có các trường nghề và trường kĩ thuật phục vụ cho nền kinh tế cá thể và các trang trại.

- Để tiết kiệm người dạy học và thiết bị phục vụ cho giảng dạy học tập, các trường đào tạo ở các bậc trình độ khác nhau cho một lĩnh vực công nghiệp nào đó cần tổ chức trong cùng một khu công nghiệp.

Một số đặc điểm giáo dục đại học

Về sự phân bố giáo dục đại học

- Nguyên tắc tập trung: sự phân bố tập trung giáo dục đại học có lợi phát huy ưu thế cho từng trường đại học; Các trường bổ sung cho nhau bằng những ưu thế riêng của mình.

- Nguyên tắc bố trí chuyên ngành hợp lí xuất phát từ quan điểm toàn cục và có một bố cục thống nhất trên phạm vi toàn quốc, có tính đến nhu cầu của từng địa phương và điều kiện của từng trường đại học.

Xếp giáo dục đại học vào hệ thống sản xuất (trước đây xếp vào nhóm phúc lợi xã hội)

- Hiệu quả đóng góp từ cá nhân, những người có học vấn càng cao, thì sẽ cống hiến cho nguồn kinh tế-xã hội càng lớn.

- Chu kì lợi nhuận mang lại trực tiếp từ giáo dục đại học ngày càng được rút ngắn.

- Cùng với sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ của thông tin và kinh tế tri thức, giáo dục đại học đã thực sự trở thành ngành sản xuất có lợi nhuận rất cao. (Tại Mỹ cuối những năm 80 lợi nhuận như sau: giáo dục đại học 17%; công ty chứng khoán 11,4%; ngân hàng 9,9%. Tại Nhật năm 1991 có 32.000 sinh viên nước ngoài đến học, hiện nay đang có chính sách thu hút 100.000 sinh viên nước ngoài/năm đến học).

- Giáo dục đại học là ngành sản xuất đặc thù. Ngành sản xuất này được kết hợp chặt chẽ bởi 3 yếu tố giáo dục, nghiên cứu khoa học và sản xuất trong xu thế phát triển nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin. Thay vì tiền vốn và sức lao động, tri thức trở thành nhân tố quan trọng nhất, việc sản xuất ra tri thức, sáng tạo ra cái mới sẽ trở thành hoạt động trọng yếu của nhân loại.

- Đại chúng hoá giáo dục đại học là bước đi tất yếu để tiến tới nền kinh tế tri thức. Đại chúng hoá, tiến tới phổ cập hoá đại học chỉ có thể thực hiện được bằng các con đường: 1) Tăng cường chất lượng các trường đại học công lập. 2) Phát triển hệ thống các trường đại học tư thục. 3) Phát triển hệ thống đại học mở và đào tạo từ xa. 4) Xây dựng một hệ thống đại học liên thông, chuyển đổi để tạo nên một sức mạnh tổng hợp liên hoàn.

Đặc điểm chung của các trường đại học

- Nhà trường luôn gắn liền với môi trường sống và môi trường tự nhiên cả trong nội dung giảng dạy và hoạt động chung.

- Nhà trường luôn gắn liền với xí nghiệp sản xuất.

- Nhà trường gắn liền với xã hội.

- Nhà trường có quan hệ rộng với không chỉ các trường trong nước mà cả các trường ở khu vực và trên thế giới.

- Nhà trường gắn liền với các cá nhân và không còn bị hạn chế về không gian và thời gian.

- Nhà trường đảm bảo tính phân hoá cao.

Giáo dục đại học tư thục

- Quy mô phát triển ngày càng tăng. Tại Nhật năm 1955 có 122/228, hiện nay có 457/662 trường tư thục chiếm 69%. Tại Liên bang Nga hiện nay có 334/587 chiếm 57%. Tại Philipin có 1113/1371 chiếm 81,18%. Tại Indonêxia có



1200/1253 chiếm 95,7%. Tại Trung Quốc, từ năm 1998 đến nay đã có 1300 trường đại học tư thục ra đời và số sinh viên cũng đã tăng 300%. Số sinh viên theo học ở các trường đại học tư thục tăng dần mỗi năm. Tại Thái Lan là 50%. Tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Philipin, Đài Loan là 70-80%.

- Quản lí giáo dục đại học tư thục linh hoạt, không bị ràng buộc bởi thủ tục hành chính rườm rà như các trường công lập, nên ở nhiều nước các trường tư thục phát triển nhanh, có tính sáng tạo cao do kịp thời điều chỉnh thích ứng với thị trường và thực tiễn xã hội.

- Vấn đề tài chính của các trường đại học tư thục: Tại Nhật, ai thành lập trường, thì người ấy có trách nhiệm cung cấp tài chính cho trường. Chính phủ cấp cho 10%. Việc thu học phí ở các trường tư thục nhìn chung được xã hội chấp nhận, nếu chất lượng đào tạo xứng đáng với cái giá học phí phải trả.

- Nguồn thu của các trường đại học và chuyên nghiệp từ: Ngân sách Nhà nước; ngân sách địa phương; đóng góp từ cha mẹ học sinh và từ người học; đóng góp từ các doanh nghiệp và từ các cơ sở sản xuất; đóng góp từ các tổ chức phi chính phủ; đóng góp từ các hiệp hội thông qua các quỹ học bổng.

Nâng cao chất lượng giáo dục đại học

- Xây dựng và trao đổi đội ngũ giảng viên.
- Thành lập trung tâm công nghệ dạy học.
- Mở nhiều chương trình thực tập bậc cao.
- Liên kết với sản xuất để nâng cao tay nghề.

- Nghiên cứu và phát triển thông qua các dự án khác nhau của Nhà nước và các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất.

- Mở rộng giao lưu quốc tế.

Về phương pháp giảng dạy

- Chuyển các phương pháp truyền thống (giảng dạy một chiều) sang phương pháp nêu vấn đề, phương pháp dạy cá thể hoá và các phương pháp hiện đại:

- Cách tiếp cận cùng tham gia.
- Phương pháp dạy giải quyết vấn đề.
- Phương pháp dạy làm chủ.
- Phương pháp dạy theo tình huống.
- Phương pháp tích cực hoá.

Chưa bao giờ trong lịch sử phát triển của mình, loài người lại phải đối mặt với một thế giới biến đổi nhanh như hiện nay. Ngành giáo dục phải đối mặt với những thách thức chưa từng có. Ngày nay, mỗi bộ phận của thế giới tự nhiên và

thế giới loài người đều gắn liền với nhau. Quyết định cục bộ có tác động toàn cầu. Ngược lại, chính sách toàn cầu cũng có tác động tới các cộng đồng địa phương và điều kiện sống của họ. Đổi mới là tất yếu và đổi mới là tốt. Khi một số thay đổi nào đó không thoả mãn cộng đồng và xã hội, nhất định phải làm lại từ đầu, phải đổi mới tiếp. Theo logic, muốn có những thay đổi tích cực vì lợi ích của con người, vì lợi ích của xã hội thì phải có nguồn nhân lực có chất lượng tốt. Do vậy ở nước ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất thiết phải tiếp tục đổi mới giáo dục mà trước hết là đổi mới tư duy giáo dục, hướng tới mục tiêu: Giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực đa trình độ chất lượng cao, góp phần xây dựng thế hệ những con người Việt Nam mới, hiện đại, có bản lĩnh, tự chủ, trung thực, năng động, sáng tạo, có hoài bão, có ý chí vươn lên, biết hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, biết lập thân, lập nghiệp, biết làm giàu cho bản thân, làm giàu cho đất nước trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập của dân tộc, có đạo đức, phong cách phù hợp với yêu cầu phát triển của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với truyền thống dân tộc Việt Nam và chủ động hội nhập được với khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Constructing Knowledge Societies: *New challenges for tertiary education*. WB Report. May, 2002.
2. Education for the 21st century in the Asia-Pacific region (Report on the Melbourne UNESCO conference, 1998).
3. Jacques Delors. *Học tập: một kho báu tiềm ẩn*. NXB Giáo dục. Hà Nội, 2002.
4. Vietnamnet, Bản tin giáo dục ngày 27-8-2005.
5. Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức (Chủ biên). *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỉ XXI* (Việt Nam và thế giới). NXB Giáo dục. Hà Nội, 2003.
6. Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội khoá X. *Giáo dục hướng tới thế kỉ XXI*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1998.

SUMMARY

In his article, the author deals with issues in the educational development of some countries in the region and the world as well as educational explosion, megatrends in educational development strategies, basic principles of education, functions of education, 4 pillars of education and some characteristics of higher education and professional secondary education.